

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2025

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận
2. Ông Nguyễn Xuân Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số A, ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số D, ấp P, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: số A, ấp L, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Bà N và ông P qua thời gian quen biết với nhau thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/01/2005. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng 05 năm nay thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên bất đồng quan điểm, ông P thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà N và gia đình bà N, ngăn cản bà N có liên quan đến anh, chị, em bên gia đình, hai bên thường xuyên cự cãi khiến mẹ vợ đổ bệnh. Hiện nay, ông P cũng không quan tâm, chăm sóc bà N. Trước đây, bà N đã cho ông P cơ hội để thay đổi nhưng thời gian 5 năm kéo dài quá lâu mà ông P vẫn không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà N và ông P đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Hiện bà N không còn

tình cảm với ông P nên bà N yêu cầu tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông P.

Về con chung: bà N và ông P có 01 con chung tên Trần Hoàng T, sinh ngày 03/02/2006, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn P trình bày:

Ông P thống nhất với lời trình bày của bà N là qua thời gian quen biết với nhau thì hai bên tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre ngày 11/01/2005. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây thì hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông P thừa nhận ông P có lời lẽ xúc phạm bà N và gia đình bà N, nguyên nhân ông P có lời lẽ xúc phạm bà N là do bà N nghe lời các anh, chị, em của bà N, đồng thời các anh, chị, em của bà N thường xuyên nói xấu ông P từ đó dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Ông P và bà N đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay bà N có yêu cầu ly hôn thì ông P không đồng ý vì ông P còn thương vợ và muốn hàn gắn gia đình để nuôi con. Do anh, chị, em bà N thường xuyên nói xấu về ông P nên ông mới có lời lẽ xúc phạm bà N, ông P hứa trong thời gian tới sẽ kiềm chế nóng giận để gia đình hòa thuận, mong bà N cho ông P cơ hội hàn gắn gia đình.

Về con chung: ông P và bà N có 01 con chung tên Trần Hoàng T, sinh ngày 03/02/2006, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: ông P và bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị N và ông Trần Văn P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Trần Văn P - trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị N và ông Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Trần Thị N, ông Trần Văn P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S ngày 11/01/2005 theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Trong thời gian chung sống, hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình hình căng thẳng không thể hàn gắn được. Hiện tại, bà N yêu cầu ly hôn nhưng ông P không đồng ý và có xin thời gian hàn gắn. Sau khi hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 10/02/2025, Tòa án tạo điều kiện cho ông P thêm thời gian để tìm biện pháp đoàn tụ hàn gắn với bà N nhưng ông P không có giải pháp cải thiện tình trạng hôn nhân, đồng thời vắng mặt tại lần hòa giải tiếp theo và cũng không có ý kiến gì, coi như ông P bỏ mặt, không có thiện chí hàn gắn với bà N. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà N, ông P đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N với ông P là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P có 01 con chung là Trần Hoàng T, sinh ngày 03/02/2006, cháu T đã thành niên, bà N và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: bà Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị N được ly hôn với ông Trần Văn P.
2. Về con chung: cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 03/02/2006 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: bà Trần Thị N và ông Trần Văn P khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: bà Trần Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007621 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ghi nhận bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Phú,
huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Như Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Luận

Nguyễn Xuân Nhàn

Huỳnh Như Thắm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Te

Phạm Thị Thu Trang

Phạm Ngọc Ánh

